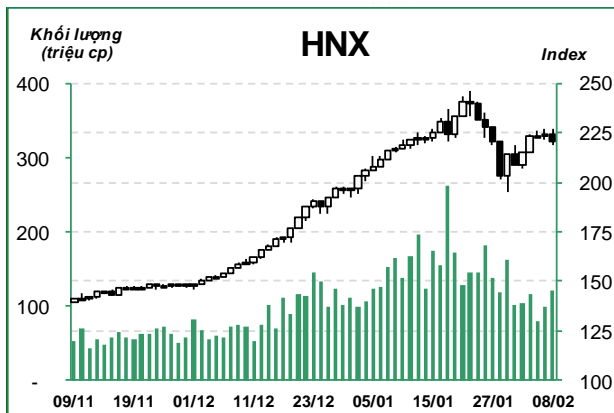
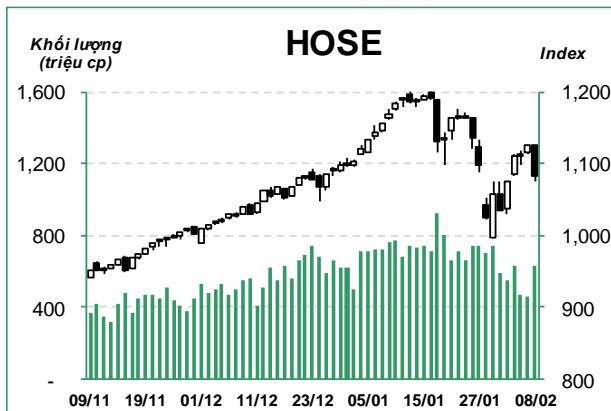


## Tổng quan thị trường

08/02/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,083.18</b>	<b>-3.88%</b>	<b>1,092.59</b>	<b>-3.78%</b>	<b>220.76</b>	<b>-1.38%</b>
Cuối tuần trước	1,126.91	-3.88%	1,135.50	-3.78%	223.84	-1.38%
Trung bình 20 ngày	1,118.08	-3.12%	1,116.63	-2.15%	223.97	-1.43%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>696.60</b>	<b>31.47%</b>	<b>235.04</b>	<b>45.27%</b>	<b>125.75</b>	<b>14.73%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>635.39</b>	<b>38.52%</b>	<b>228.47</b>	<b>63.45%</b>	<b>122.19</b>	<b>23.88%</b>
Trung bình 20 ngày	676.91	-6.13%	215.70	5.92%	141.96	-13.93%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>16,562.89</b>	<b>33.39%</b>	<b>9,358.94</b>	<b>48.95%</b>	<b>1,939.47</b>	<b>-6.87%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>15,224.27</b>	<b>46.18%</b>	<b>8,902.24</b>	<b>65.78%</b>	<b>1,879.13</b>	<b>-7.51%</b>
Trung bình 20 ngày	14,479.51	5.14%	7,102.64	25.34%	2,005.26	-6.29%
		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>
<b>Số mã tăng</b>	69	14%	3	10%	59	17%
<b>Số mã giảm</b>	385	81%	27	90%	129	36%
<b>Số mã đứng giá</b>	24	5%	0	0%	168	47%



Thị trường chịu áp lực giảm điểm trong phiên giao dịch đầu tuần khi tình hình dịch Covid-19 chuyển biến phức tạp với nhiều ca nhiễm Covid-19 mới bất ngờ được ghi nhận tại Thành phố Hồ Chí Minh ngay trước kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán. Thanh khoản tăng vọt ở cả 2 sàn HoSE và HNX cho thấy áp lực bán khá mạnh và dứt khoát của các nhà đầu tư. Cùng với đó là động thái rút ròng trở lại của khối ngoại trong phiên hôm nay cũng góp phần khiến đà giảm của thị trường thêm tiêu cực.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa giảm điểm về mức 1,083.18 điểm (-3.88%). KLGĐ khớp lệnh đạt 635.4 triệu cổ phiếu (+38.5%), tương đương 15,224 tỷ đồng giá trị (+46.2%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 385 mã giảm, áp đảo hoàn toàn so với chỉ 69 mã tăng.

Các cổ phiếu Bluechips gây áp lực lên VN-Index là Vingroup-VIC (-6.0%), Vietcombank-VCB (-5.9%), Vinhomes-VHM (-4.6%), Vinamilk-VNM (-3.9%). Ở chiều ngược lại, nỗ lực tăng giá được ghi nhận ở một số cổ phiếu như BĐS Phát Đạt-PDR (+1.5%), Tập đoàn KIDO-KDC (+2.0%), và Ngân hàng Bưu điện Liên Việt-LPB (+1.1%).

Khối ngoại bất ngờ đảo chiều bán ròng mạnh trên sàn HoSE trong hôm nay, đạt giá trị 1,407.2 tỷ đồng. Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Hòa Phát-HPG (-275.8 tỷ), Vinhomes-VHM (-174.0 tỷ) và Vinamilk-VNM (-147.9 tỷ). Trong khi đó, khối ngoại mua ròng chủ yếu là chứng chỉ quỹ của FUESSVFL (+58.2 tỷ), FUEVFNVD (+29.2 tỷ) và cổ phiếu Vietjet Air-VJC (+32.2 tỷ).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
GAB	1,017.6	195.82
FPT	2,290.0	178.62
GEX	4,761.1	103.75
VNM	951.9	100.49
HAG	21,780.0	95.83
DBD	1,538.2	73.68
NVT	10,745.0	62.86
VHM	657.0	62.16
FUESSVFL	4,105.0	59.93
E1VFN30	3,000.0	55.28
<b>HNX</b>		
VC3	1,919.8	31.49
SHS	1,080.0	25.92
HUT	550.0	2.20
LHC	5.0	0.37
PVI	12.6	0.36

Trên sàn HNX, HNX-Index đóng cửa giảm xuống mức 220.76 điểm (-1.38%). KLGĐ khớp lệnh đạt 122.2 triệu cổ phiếu (+23.9%), tương đương 1,879.1 tỷ đồng giá trị (-7.5%).

Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-6.2%), Idico-IDC (-6.6%), Vicostone-VCS (-2.8%) và Điện lực TKV-DTK (-4.1%) là tác nhân chính cho đà giảm của chỉ số. Ngược lại, Thaiholdings-THD (+2.5%), SCI E&C-SCI (+10.0%), Mía đường Sơn La-SLS (+2.2%) và Y tế Danameco-DNM (+9.9%) là những cổ phiếu được dòng tiền hướng đến.

Trái ngược với động thái bán ròng trên sàn HoSE, khối ngoại vẫn duy trì vị thế mua ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 21.3 tỷ đồng (+435.6%). Trong đó, cổ phiếu Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+19.7 tỷ) là cái tên đáng chú ý nhất khi liên tục được khối ngoại gom mua trong thời gian gần đây. Bên cạnh đó, khối ngoại cũng mua ròng các cổ phiếu khác trong hôm nay như Dầu khí PTSC-PVS (+1.9 tỷ), Chứng khoán MB-MBS (+0.9 tỷ), Chứng khoán Châu Á – TBD-APS (+0.6 tỷ). Ngược lại, Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-2.2 tỷ), KLF Global-KLF (-0.3 tỷ), Giáo dục Hà Nội-EID (-0.3 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực chốt lời đang quay trở lại. Không những vậy, chỉ số không thể vượt qua được sức ép của MA20 và cắt xuống dưới MA50, cùng với đường -DI có xu hướng nói rộng khoản cách lên phía trên so với +DI cho thấy áp lực điều chỉnh đang gia tăng. Thêm vào đó, chỉ báo MACD đang hướng xuống và nằm dưới Signal duy trì tín hiệu bán. Trong trường hợp tiêu cực chỉ số có thể chịu sức ép điều chỉnh về vùng hỗ trợ quanh 1.000 -1.020 điểm (MA100). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm cắt xuống dưới MA5 và 20, cùng với MACD hướng xuống tiêu cực, cho thấy áp lực giảm ngắn hạn đang gia tăng, chỉ số có thể chịu sức ép điều chỉnh về vùng hỗ trợ quanh ngưỡng tâm lý 200 điểm. Nhìn chung, phiên giảm điểm 08/02 cho thấy thị trường vẫn chịu áp lực giảm điểm ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc giữ danh mục ở mức hợp lý nhằm tránh các biến động bất thường từ thị trường.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPS	16.1	89.7	7.0%
PTC	9.5	0.3	7.0%
TTE	9.5	1.5	7.0%
GMC	29.3	106.6	6.9%
RIC	19.4	11.4	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KBC	37.2	11,022.2	-7.0%
SGT	13.3	77.6	-7.0%
ITA	5.6	13,206.9	-7.0%
FIT	11.4	3,329.7	-7.0%
VIP	8.2	912.9	-6.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	40.9	1,367.8	-3.8%
TCB	35.0	751.8	-3.6%
SSI	30.6	671.2	-2.9%
MBB	23.9	545.5	-3.4%
FPT	71.3	465.2	-2.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	40.9	33,268.4	-3.8%
HAG	4.3	30,266.1	-5.0%
FLC	6.1	29,496.0	-6.4%
ROS	3.7	27,320.9	-6.9%
STB	17.4	24,037.3	-4.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KDM	4.4	149.8	10.0%
SCI	57.4	325.1	10.0%
HHC	83.9	7.6	10.0%
VNT	78.4	6.4	10.0%
DNM	45.6	89.4	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KVC	1.8	1,040.6	-10.0%
DL1	22.5	0.2	-10.0%
HTP	17.1	9.3	-9.5%
PPY	14.3	1.1	-9.5%
S74	4.8	0.1	-9.4%

#### Top 5 giá trị

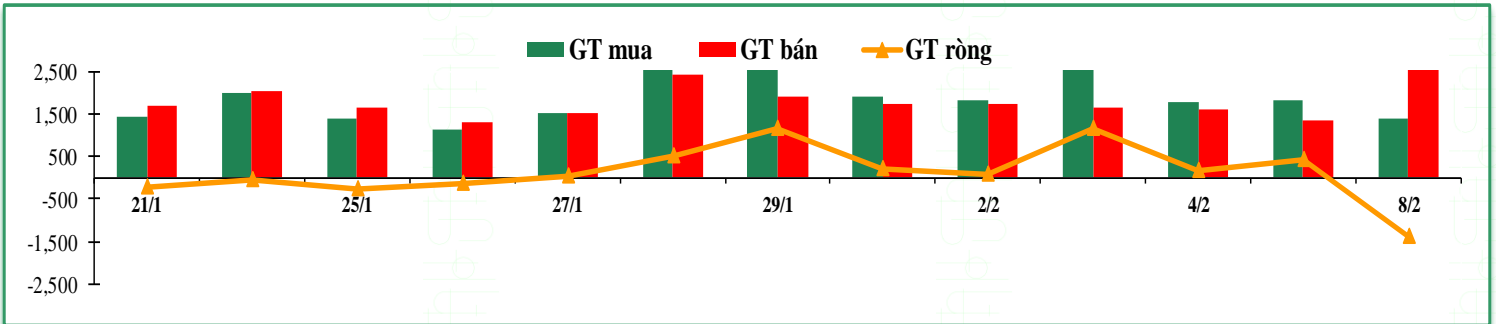
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	15.1	399.6	-6.2%
PVS	18.2	280.9	-1.1%
SHS	24.0	248.5	-5.1%
IDC	38.5	225.6	-6.6%
THD	164.0	121.3	2.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	15.1	25,766.9	-6.2%
PVS	18.2	15,192.1	-1.1%
SHS	24.0	9,931.6	-5.1%
KLF	2.4	8,930.0	0.0%
NVB	13.8	6,779.9	-0.7%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,344.8	8.1%	2,752.0	16.6%	-1,407.2
HNX	41.4	2.1%	20.1	1.0%	21.3
<b>Tổng số</b>	<b>1,386.1</b>		<b>2,772.1</b>		<b>-1,386.0</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	71.3	162.6	-2.2%
VHM	94.7	149.8	-4.6%
VNM	105.3	148.5	-3.9%
HPG	40.9	82.5	-3.8%
VIC	101.0	73.7	-6.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	40.9	358.3	-3.8%
VHM	94.7	323.8	-4.6%
VNM	105.3	296.4	-3.9%
VCB	94.1	175.3	-5.9%
FPT	71.3	162.6	-2.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FUESSVFL	14.0	58.2	-3.3%
VJC	124.6	32.2	-5.0%
FUEVFNND	18.1	29.2	-4.0%
E1VFN30	18.6	28.8	-4.6%
LPB	14.2	24.4	1.1%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVB	13.8	19.8	-0.7%
PVS	18.2	13.5	-1.1%
SHB	15.1	1.8	-6.2%
SHS	24.0	1.5	-5.1%
MBS	18.3	0.9	-4.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	18.2	11.6	-1.1%
BVS	19.6	2.3	-3.0%
SHS	24.0	1.7	-5.1%
SHB	15.1	1.3	-6.2%
VCS	77.5	0.4	-2.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVB	13.8	19.7	-0.7%
PVS	18.2	1.9	-1.1%
MBS	18.3	0.9	-4.2%
APS	6.4	0.6	-5.9%
SHB	15.1	0.5	-6.2%

## Tin trong nước

### **BVSC dự báo PDR vào danh mục FTSE Vietnam Index**

Vào ngày 22/3, các quỹ Vaneck Vectors Vietnam ETF (VNM ETF) và DB xtrackers FTSE Vietnam UCITS ETF (FTSE ETF) sẽ tiến hành tái cơ cấu danh mục quý I năm 2021. Trước đó FTSE Vietnam Index - chỉ số cơ sở của quỹ FTSE Vietnam ETF sẽ công bố danh mục định kỳ vào ngày 5/3. Sau đó một tuần vào 13/3, MVIS Vietnam Index – chỉ số cơ sở của VNM ETF sẽ công bố danh mục định kỳ.

Dựa trên dữ liệu ngày 3/2, Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) dự báo cổ phiếu PDR có thể sẽ được thêm vào danh mục của quỹ FTSE ETF với tỷ trọng khoảng 1,7%, tương đương với 2,6 triệu cổ phiếu.

Công ty chứng khoán cũng cho rằng các cổ phiếu VIC, VNM, HPG sẽ được tăng tỷ trọng. Ở chiều ngược lại, không có cổ phiếu nào bị loại khỏi danh mục của quỹ FTSE ETF. Tuy nhiên, các cổ phiếu VHM, MSN và VRE có thể bị bán ra để giảm tỷ trọng trong lần tái cơ cấu này.

Đối với danh mục của VNM ETF, BVSC dự báo sẽ không có cổ phiếu Việt Nam nào được thêm vào cũng như bị loại ra trong kỳ tái cơ cấu tháng 1. Hiện cổ phiếu Việt Nam đang chiếm khoảng 65% tỷ trọng danh mục của quỹ.

Nếu không có cổ phiếu nước ngoài nào được thêm mới, đơn vị phân tích ước tính tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam sẽ dao động trong khoảng từ 65-68% tỷ trọng danh mục của quỹ. Trong đó, các cổ phiếu VNM, VIC, SBT... có thể sẽ được tăng tỷ trọng đáng kể. Còn ngược lại, các cổ phiếu bị bán ra để giảm tỷ trọng có thể là VHM, NVL, MSN...

### **NHNN bơm ròng 24.100 tỷ đồng**

Trung tâm Phân tích Chứng khoán SSI - SSI Research vừa có báo cáo thị trường tiền tệ tuần 1/2-5/2. Nhu cầu tiền mặt tăng lên khi Tết Nguyên đán đang đến gần khiến huy động vốn sụt giảm, nhu cầu thanh khoản của các NHTM gia tăng. Tuần qua, sau gần 7 tháng không phát sinh giao dịch, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm ròng 24.100 tỷ đồng thông qua mua kỳ hạn 7 và 14 ngày, lãi suất 2,5%/năm trên thị trường mở. Tuy vậy, lãi suất trên liên ngân hàng vẫn tăng mạnh, chốt tuần ở mức 2,13%/năm với kỳ hạn qua đêm.

SSI Research cho rằng đây chỉ là yếu tố mang tính chất thời vụ, lãi suất trên liên ngân hàng sẽ nhanh chóng hạ nhiệt khi tiền mặt ngoài lưu thông trở lại hệ thống ngân hàng sau Tết.

Trong khi đó, lãi suất tiền gửi và cho vay không thay đổi trong tuần qua và dự kiến sẽ tiếp tục ổn định trong quý I khi sức cầu nền kinh tế vẫn khá yếu và dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **VinCommerce huy động 1.500 tỷ đồng trái phiếu**

Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce đã phát hành thành công 1.500 tỷ đồng trái phiếu có đảm bảo, kỳ hạn 5 năm, lãi định kỳ 3 tháng/lần. Ngày hoàn thành đợt chào bán là 25/1/2021.

VinCommerce là công ty con hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ của Tập đoàn Masan (HoSE: MSN), vận hành chuỗi VinMart và VinMart+.

Trong nửa đầu năm 2020, công ty này cũng đã huy động tổng cộng hơn 2.700 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm, lãi suất 9,9%/năm cho kỳ tính 4 lãi đầu tiên, kỳ thứ 5-8 là 10,9%/năm, các kỳ sau lãi suất tham chiếu cộng 3,9%/năm.

Tính đến cuối tháng 6/2020, doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu 4.122 tỷ đồng, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu là 3,18 lần. Nửa đầu năm 2020, công ty lỗ sau thuế 1.787 tỷ đồng.

Theo báo cáo của Tập đoàn Masan, VinCommerce lần đầu ghi nhận EBITDA dương 0,2% trong quý IV/2020 với lợi nhuận 16 tỷ đồng. Nếu không tính chi phí quản lý chung, các siêu thị VinMart+ và VinMart đạt biên EBITDA dương lần lượt 4,1% và 2,8%.

Trong năm, VinCommerce đã đóng cửa 744 cửa hàng VinMart+ và 12 siêu thị VinMart trong khi mở mới 84 cửa hàng VinMart+ và 2 siêu thị VinMart.

### **SHE tạm ứng cổ tức năm 2020 tỷ lệ 10%**

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo ngày 25/2 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông Công ty Phát triển năng lượng Sơn Hà (HNX: SHE) để tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2020, tỷ lệ 10% (1 cổ phiếu nhận được 1.000 đồng). Ngày thực hiện thanh toán dự kiến 15/3.

Với hơn 6,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền Năng lượng Sơn Hà dự chi để tạm ứng cổ tức đợt này là 6,5 tỷ đồng.

Năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận 246 tỷ đồng doanh thu thuần, tương đương cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 28,9 tỷ đồng, giảm 10%.

Tại thời điểm cuối năm, đơn vị có 25 tỷ đồng lãi sau thuế chưa phân phối, 2,2 tỷ quỹ đầu tư phát triển trên vốn điều lệ 65,7 tỷ đồng.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	ITD	Bán	09/02/21	10.65	10.5	1.4%	11.85	12.9%	10	-4.8%	Xu hướng yếu đi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	ANV	Quan sát mua	09/02/21	19.1	22-22.7	Phiên điều chỉnh ko quá xấu với nền nhỏ vol thấp + MACD Histogram vẫn tiếp tục tăng -> cần một phiên tăng tốt phủ nhận nền này sẽ cho tín hiệu test đáy/MA200 thành công
2	HDG	Quan sát mua	09/02/21	38.6	43.5-45	Phiên điều chỉnh ko quá xấu với vol thấp + MACD Histogram vẫn tiếp tục tăng -> kỳ vọng rơi vào dạng tích lũy trên MA50 với biến động thu hẹp dần trước khi tăng trở lại test đỉnh
3	PC1	Quan sát mua	09/02/21	25.6	30	Phiên điều chỉnh ko quá xấu với vol thấp -> có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 24.3-25

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTG	Mua	01/02/21	34.05	30.5	11.6%	40	31.1%	28.5	-7%	
2	PDR	Mua	03/02/21	61.3	55.8	9.9%	65	16.5%	53.6	-4%	
3	BMP	Mua	04/02/21	59.9	60	-0.2%	64.5	8%	57.1	-5%	
4	PTB	Mua	05/02/21	66.5	66	0.8%	71.9	9%	64.2	-3%	
5	HPG	Mua	08/02/21	40.9	42.5	-3.8%	50	18%	40.4	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 08/02/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CEIB2001	1,000	1,570	-1.3 %	57%	1,760	56	17,750	2	(1,568)	KIS	EIB	18,818	10.0	05/04/2021
CFPT2010	7,900	16,100	-21.5 %	104%	1,860	50	71,300	19,453	3,353	HCM	FPT	52,000	1.0	30/03/2021
CFPT2011	1,700	4,680	-8.2 %	175%	23,440	52	71,300	4,689	9	HCM	FPT	48,000	5.0	01/04/2021
CFPT2012	1,500	4,190	-7.7 %	179%	44,410	85	71,300	4,111	(79)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2013	3,800	9,000	-13.4 %	137%	2,370	59	71,300	9,740	740	BSI	FPT	52,000	2.0	08/04/2021
CFPT2014	2,000	10,000	-4.8 %	400%	660	60	71,300	8,247	(1,753)	VCI	FPT	55,000	2.0	09/04/2021
CFPT2015	2,070	4,210	-8.1 %	103%	14,410	42	71,300	4,285	75	SSI	FPT	50,000	5.0	22/03/2021
CFPT2016	2,580	4,690	-5.3 %	82%	20,960	134	71,300	4,339	(351)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2017	2,340	4,260	-9.4 %	82%	38,130	77	71,300	4,187	(73)	MBS	FPT	54,800	4.0	26/04/2021
CHDB2007	2,701	2,490	-3.1 %	-8%	63,020	78	23,450	2	(2,488)	KIS	HDB	27,772	3.0	27/04/2021
CHDB2008	2,702	2,000	-7.0 %	-26%	2,950	85	23,450	31	(1,969)	KIS	HDB	25,888	3.2	04/05/2021
CHDB2101	1,000	1,900	-5.0 %	90%	5,160	226	23,450	70	(1,830)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2010	1,800	4,410	-10.7 %	145%	33,590	56	40,900	2,397	(2,013)	KIS	HPG	33,100	3.3	05/04/2021
CHPG2014	7,200	24,200	-6.9 %	236%	590	70	40,900	24,136	(64)	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	22,610	-11.2 %	237%	740	21	40,900	24,058	1,448	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2017	1,000	3,000	-9.1 %	200%	42,680	10	40,900	3,007	7	KIS	HPG	28,888	4.0	18/02/2021
CHPG2018	1,200	3,700	-10.4 %	208%	25,720	95	40,900	2,767	(933)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	17,500	-4.4 %	207%	1,470	142	40,900	15,116	(2,384)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2021	2,400	8,700	-6.2 %	263%	2,940	52	40,900	7,988	(712)	HCM	HPG	25,000	2.0	01/04/2021
CHPG2022	2,100	8,150	-4.1 %	288%	7,530	85	40,900	7,017	(1,133)	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CHPG2024	2,200	7,300	-9.9 %	232%	2,840	59	40,900	6,748	(552)	BSI	HPG	27,500	2.0	08/04/2021
CHPG2025	2,000	9,700	-14.5 %	385%	1,110	60	40,900	7,020	(2,680)	VCI	HPG	34,000	1.0	09/04/2021
CHPG2026	3,350	4,900	-10.9 %	46%	8,740	91	40,900	2,350	(2,550)	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CHPG2101	1,050	4,000	-4.8 %	281%	9,230	226	40,900	378	(3,622)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	9,000	-5.3 %	36%	12,710	147	40,900	2,300	(6,700)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CKDH2001	1,400	2,040	-4.2 %	46%	16,570	95	31,000	1,231	(809)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	2,000	-17.0 %	25%	48,060	189	31,000	1,055	(945)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2003	1,100	1,590	-17.6 %	45%	14,090	10	31,000	1,476	(114)	KIS	KDH	25,111	4.0	18/02/2021
CKDH2004	2,180	3,210	-17.5 %	47%	13,640	60	31,000	2,297	(913)	MBS	KDH	26,500	2.0	09/04/2021
CKDH2101	1,000	2,060	0 %	106%	7,310	226	31,000	221	(1,839)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CMBB2008	3,400	7,820	-6.9 %	130%	1,940	50	23,900	4,399	(3,421)	VND	MBB	20,000	0.9	30/03/2021
CMBB2009	1,700	4,580	-4.6 %	169%	39,120	52	23,900	2,916	(1,664)	HCM	MBB	19,000	1.7	01/04/2021
CMBB2010	4,600	9,000	-5.1 %	96%	15,690	126	23,900	8,018	(982)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2011	3,800	8,150	-8.1 %	114%	23,290	32	23,900	7,930	(220)	SSI	MBB	16,000	1.0	12/03/2021
CMSN2007	1,400	3,900	-13.3 %	179%	1,010	78	85,600	2,929	(971)	KIS	MSN	56,868	9.9	27/04/2021
CMSN2009	1,200	3,610	-9.5 %	201%	5,590	95	85,600	2,419	(1,191)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2010	4,800	16,000	-11.1 %	233%	390	50	85,600	15,381	(619)	VND	MSN	55,000	2.0	30/03/2021
CMSN2011	4,801	7,650	-5.4 %	59%	1,970	52	85,600	6,890	(760)	HCM	MSN	52,000	4.9	01/04/2021
CMSN2012	4,802	13,800	2.2 %	187%	300	60	85,600	10,415	(3,385)	VCI	MSN	65,000	2.0	09/04/2021
CMSN2013	4,803	1,400	-39.1 %	-71%	12,160	21	85,600	38	(1,362)	MBS	MSN	87,000	4.9	01/03/2021
CMSN2014	4,804	1,390	-10.9 %	-71%	9,400	22	85,600	8	(1,382)	KIS	MSN	87,878	9.9	02/03/2021
CMSN2101	1,050	1,900	-13.6 %	81%	9,460	226	85,600	128	(1,772)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	1,950	-7.1 %	95%	7,510	226	85,600	49	(1,901)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMWG2013	12,000	18,530	-10.1 %	54%	2,160	142	128,500	16,675	(1,855)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	3,110	-8.5 %	64%	25,980	91	128,500	2,904	(206)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	2,850	-5.0 %	68%	19,740	122	128,500	2,156	(694)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2017	2,410	3,000	-7.4 %	24%	20,510	77	128,500	2,625	(375)	MBS	MWG	108,000	8.0	26/04/2021
CNVL2002	2,000	3,670	-15.4 %	84%	9,420	30	77,700	3,793	123	KIS	NVL	59,220	4.9	10/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CNVL2003	1,000	1,940	-14.5 %	94%	36,370	123	77,700	1,433	(507)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	2,130	-1.4 %	113%	4,370	226	77,700	226	(1,904)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2009	1,400	3,100	-8.8 %	121%	16,470	52	80,900	2,921	(179)	HCM	PNJ	58,000	7.9	01/04/2021
CREE2006	1,500	3,270	1.2 %	118%	56,290	91	54,000	0	(3,270)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CSBT2007	1,700	3,100	4.0 %	82%	70,120	78	20,550	2,434	(666)	KIS	SBT	15,999	1.9	27/04/2021
CSBT2101	1,100	1,890	-3.6 %	72%	5,090	226	20,550	108	(1,782)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2006	1,500	3,140	-9.3 %	109%	10,410	56	17,400	2,276	(864)	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2007	1,500	3,450	-6.3 %	130%	29,480	108	17,400	3,235	(215)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	3,110	-4.6 %	183%	20,540	123	17,400	2,744	(366)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2011	2,700	3,570	-10.5 %	32%	26,380	50	17,400	2,943	(627)	VND	STB	14,500	1.0	30/03/2021
CSTB2012	2,500	4,670	-10.2 %	87%	16,460	52	17,400	4,440	(230)	HCM	STB	13,000	1.0	01/04/2021
CSTB2013	3,200	5,600	-9.2 %	75%	31,630	32	17,400	5,423	(177)	SSI	STB	12,000	1.0	12/03/2021
CSTB2014	3,800	6,110	-6.7 %	61%	40,240	126	17,400	5,489	(621)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2015	1,200	1,870	-11.4 %	56%	26,470	22	17,400	1,720	(150)	KIS	STB	13,979	2.0	02/03/2021
CSTB2016	1,200	2,290	-5.0 %	91%	8,970	85	17,400	1,666	(624)	KIS	STB	14,141	2.0	04/05/2021
CSTB2017	2,680	3,500	-10.3 %	31%	7,400	77	17,400	2,186	(1,314)	MBS	STB	15,300	1.0	26/04/2021
CSTB2101	1,000	2,190	-4.8 %	119%	14,130	226	17,400	170	(2,020)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CTCB2009	4,400	13,500	-3.6 %	207%	3,170	50	35,000	13,065	(435)	VND	TCB	22,000	1.0	30/03/2021
CTCB2010	2,000	6,850	-8.7 %	243%	20,320	52	35,000	6,783	(67)	HCM	TCB	21,500	2.0	01/04/2021
CTCB2012	5,400	14,080	-8.0 %	161%	46,710	172	35,000	13,222	(858)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2013	4,700	12,770	-6.1 %	172%	44,210	85	35,000	12,115	(655)	SSI	TCB	23,000	1.0	04/05/2021
CTCB2101	5,000	9,420	-1.8 %	88%	14,000	239	35,000	5,500		ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCH2001	1,400	1,450	2.8 %	4%	74,660	95	21,000	82	(1,368)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2002	1,100	200	-47.4 %	-82%	121,090	10	21,000	0	(200)	KIS	TCH	21,777	3.9	18/02/2021
CTCH2003	1,600	1,620	-11.5 %	1%	85,260	189	21,000	226	(1,394)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,650	-1.9 %	165%	7,520	226	21,000	272	(2,378)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CVHM2006	1,000	1,260	-17.7 %	26%	30,350	78	94,700	515	(745)	KIS	VHM	84,888	20.0	27/04/2021
CVHM2008	1,400	2,180	-8.8 %	56%	84,090	123	94,700	784	(1,396)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2009	1,400	2,900	-11.6 %	107%	15,610	52	94,700	2,292	(608)	HCM	VHM	72,000	10.0	01/04/2021
CVHM2010	1,300	2,910	-11.3 %	124%	17,900	85	94,700	1,858	(1,052)	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVHM2101	1,100	2,400	-7.0 %	118%	6,660	226	94,700	211	(2,189)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVIC2004	1,000	1,250	-7.4 %	25%	4,930	78	101,000	158	(1,092)	KIS	VIC	99,999	20.0	27/04/2021
CVIC2005	1,500	1,750	-9.8 %	17%	12,030	123	101,000	182	(1,568)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2006	1,700	2,520	-4.6 %	48%	12,270	52	101,000	1,427	(1,093)	HCM	VIC	87,000	10.0	01/04/2021
CVIC2007	1,000	500	-13.8 %	-50%	18,010	22	101,000	0	(500)	KIS	VIC	111,222	20.0	02/03/2021
CVIC2101	1,000	1,820	-11.7 %	82%	14,630	226	101,000	48	(1,772)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVJC2004	1,200	1,000	-21.9 %	-17%	13,470	78	124,600	490	(510)	KIS	VJC	115,511	20.0	27/04/2021
CVJC2006	1,000	1,290	-12.8 %	29%	27,590	123	124,600	730	(560)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2007	2,400	950	-24.0 %	-60%	1,420	30	105,300	0	(950)	KIS	VNM	111,430	8.0	10/03/2021
CVNM2011	1,100	1,600	-5.3 %	45%	17,780	123	105,300	1	(1,599)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2012	7,700	5,000	-10.7 %	-35%	680	50	105,300	120	(4,880)	VND	VNM	110,000	2.0	30/03/2021
CVNM2013	1,900	1,900	-9.5 %	0%	10,760	52	105,300	251	(1,649)	HCM	VNM	104,000	9.9	01/04/2021
CVNM2014	2,000	1,680	-15.6 %	-16%	4,760	60	105,300	0	(1,680)	VCI	VNM	140,000	5.0	09/04/2021
CVNM2015	1,750	1,240	-18.4 %	-29%	10,400	21	105,300	249	(991)	MBS	VNM	103,000	9.9	01/03/2021
CVNM2016	1,000	760	-14.6 %	-24%	7,710	22	105,300	0	(760)	KIS	VNM	113,388	19.8	02/03/2021
CVNM2101	1,100	2,050	-8.9 %	86%	10,540	226	105,300	68	(1,982)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVPB2010	4,700	11,830	-8.6 %	152%	4,910	50	36,000	12,070	240	VND	VPB	24,000	1.0	30/03/2021
CVPB2011	1,900	5,880	-12.4 %	209%	10,160	85	36,000	6,060	180	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2012	2,000	6,580	-5.9 %	229%	10,710	52	36,000	6,535	(45)	HCM	VPB	23,000	2.0	01/04/2021
CVPB2013	2,000	9,450	-4.6 %	373%	520	60	36,000	9,095	(355)	VCI	VPB	27,000	1.0	09/04/2021
CVPB2015	5,600	11,430	-7.8 %	104%	17,230	172	36,000	10,314	(1,116)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2016	4,800	9,710	-7.9 %	102%	11,610	85	36,000	9,135	(575)	SSI	VPB	27,000	1.0	04/05/2021
CVPB2017	1,000	2,040	-9.3 %	104%	2,030	56	36,000	510	(1,530)	VPB	VPB	30,999	10.0	05/04/2021
CVRE2007	1,520	1,030	-13.5 %	-32%	26,120	56	30,900	13	(1,017)	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2009	1,400	1,250	-7.4 %	-11%	6,240	108	30,900	263	(987)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2010	1,100	460	-30.3 %	-58%	53,320	10	30,900	230	(230)	KIS	VRE	29,999	4.0	18/02/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2011	1,500	1,480	-7.5 %	-1%	24,180	123	30,900	278	(1,202)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2012	1,300	1,800	-15.9 %	38%	17,350	52	30,900	1,120	(680)	HCM	VRE	26,500	4.0	01/04/2021
CVRE2013	5,000	6,600	-11.4 %	32%	90,460	172	30,900	4,277	(2,323)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2014	4,600	4,620	-27.4 %	0%	84,730	85	30,900	3,605	(1,015)	SSI	VRE	27,500	1.0	04/05/2021
CVRE2015	2,270	2,900	-17.1 %	28%	15,490	77	30,900	1,784	(1,116)	MBS	VRE	27,500	2.0	26/04/2021
CVRE2101	1,200	2,100	-16.0 %	75%	16,130	226	30,900	369	(1,731)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021E (tỷ)	EPS 2021E	BV 2021E	ROE 2021E	ROA 2021E	PE 2021E	PB 2021E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">DGW</a> (New)	HOSE	79,400	103,700	08/02/2021	425	9,881	35,452	28%	11.1%	10.5	2.9	20%
<a href="#">GIL</a> (New)	HOSE	57,600	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	9.8%	6.2	1.3	-
<a href="#">BSR</a> (New)	Upcom	11,000	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2.1%	29.9	1.2	0%
<a href="#">PNJ</a> (New)	HOSE	80,900	89,000	04/02/2021	1,097	4,869	23,033	21%	12.6%	18.5	3.9	18%
<a href="#">GTN</a>	HOSE	23,450	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	7.6%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	55,300	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10.0%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	25,900	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	0.6%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	94,100	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1.4%	22.7	3.6	0%
<a href="#">ACB</a>	HOSE	27,500	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	1.9%	7.8	3.6	0%
<a href="#">TCB</a>	HOSE	35,000	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	3.5%	6.5	1.1	0%
<a href="#">VHM</a>	HOSE	94,700	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	11.8%	9.8	2.4	-
<a href="#">VRE</a>	HOSE	30,900	39,400	19/01/2021	3,130	1,419	12,382	10%	7.4%	27.8	3.2	-
<a href="#">KDH</a>	HOSE	31,000	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8.3%	8.5	1.5	-
<a href="#">MWG</a>	HOSE	128,500	140,600	19/01/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9.1%	13.6	3.3	15%
<a href="#">VNM</a>	HOSE	105,300	136,000	19/01/2021	12,272	5,871	9,954	39%	22.3%	23.1	13.6	50%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	85,600	82,600	19/01/2021	2,654	2,271	23,866	11%	2.3%	40.1	3.0	45%
<a href="#">SAB</a>	HOSE	174,000	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17.3%	26.6	5.1	35%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">FMC</a>	HOSE	29,500	42,200	19/01/2021	216	4,399	1,993	22%	12.6%	8.0	1.8	-
<a href="#">MPC</a>	Upcom	27,800	30,000	19/01/2021	536	2,678	19,586	9%	5.7%	11.2	1.0	-
<a href="#">ANV</a>	HOSE	19,100	26,900	19/01/2021	427	3,350	21,020	17%	9.3%	6.6	1.1	-
<a href="#">STK</a>	HOSE	24,950	25,600	19/01/2021	127	1,790	15,714	11%	5.9%	13.1	1.5	-
<a href="#">TCM</a>	HOSE	74,500	46,500	19/01/2021	242	3,892	27,539	15%	7.6%	12.0	1.7	-
<a href="#">LHG</a>	HOSE	32,800	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	5.6%	8.1	1.0	-
<a href="#">KBC</a>	HOSE	37,200	22,600	19/01/2021	920	1,958	21,688	9%	5.5%	10.4	0.9	-
<a href="#">PHR</a>	HOSE	57,400	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	15.7%	6.6	2.1	30%
<a href="#">ACV</a>	Upcom	74,500	86,000	19/01/2021	6,598	3,031	20,582	18%	11.3%	28.4	4.2	6%
<a href="#">GAS</a>	HOSE	79,000	92,500	19/01/2021	12,275	6,182	29,586	26%	19.9%	11.8	2.5	30%
<a href="#">PVS</a>	HNX	18,200	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3.4%	8.7	0.6	5%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	52,000	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	6.8%	19.3	2.6	30%
<a href="#">FPT</a>	HOSE	71,300	64,100	19/01/2021	4,906	5,339	26,048	27%	13.0%	10.9	2.2	20%
<a href="#">CTR</a>	Upcom	80,700	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6.4%	21.1	4.6	10%
<a href="#">REE</a>	HOSE	54,000	54,000	19/01/2021	1,529	4,608	42,470	12%	7.4%	10.2	1.2	16%
<a href="#">POW</a>	HOSE	12,150	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5.2%	13.9	1.0	3%
<a href="#">GEG</a>	HOSE	17,000	19,000	19/01/2021	383	1,184	13,017	14%	5.3%	16.1	1.5	-
<a href="#">HPG</a>	HOSE	40,900	46,700	19/01/2021	13,449	4,032	20,345	20%	11.2%	11.6	2.3	5%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	59,900	65,900	19/01/2021	542	6,622	32,553	20%	17.5%	10.0	2.0	40%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	68,600	66,000	19/01/2021	702	8,852	115,000	8%	4.9%	7.5	0.6	30%
<a href="#">GVR</a>	HOSE	23,950	24,200	19/01/2021	3,594	762	13,969	6%	4.4%	31.8	1.7	6%
<a href="#">VHC</a>	HOSE	36,150	50,600	14/01/2021	892	5,134	26,696	18%	13.2%	9.9	1.9	-

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.